TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: **11/2022/HNGĐ-ST** Ngày 06/4/2022 "V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.
Các hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Lệ Dung và ông Ngô Gia Khánh
- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phan Thị Ninh, thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.
- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:*** Bà Đặng Thị Doan, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 150/2021/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2021 về " Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị T, sinh năm 1992; ĐKHKTT và trú tại: xóm 12, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình (có mặt)

- Bị đơn: Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1987; ĐKHKTT và trú tại: xóm 12, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về phía nguyên đơn chị Vũ Thị T trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Chị và anh Trần Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn năm 2011 tại UBND xã K, huyện K, là quê của chị. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ đẻ của anh Đ ở xóm 12, xã K. Vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 1 năm sau đó phát sinh mâu thuẫn, vì mâu thuẫn nên chị Thúy và anh Đ đã sống ly thân từ năm 2020.

Theo chị T nguyên nhân dẫn đến việc vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn là do anh Đảm chơi bời, nghiện ma túy. Mặc dù chị đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh Đ không từ bỏ ma túy mà còn vô cớ chửi bới, đánh đập, đe dọa chị.

Chị đã cho anh Đ cơ hội để thay đổi bản thân và cũng vì con cái nên chị chấp nhận chung sống. Đến năm 2020, anh Đ và chị xảy ra mâu thuẫn nặng nề, hơn, thường xuyên cãi chửi nhau, anh Đ đuổi chị ra khỏi nhà, làm ảnh hưởng đến tinh thần, sức khỏe của chị và các con. Do vậy, chị và anh Đ đã sống ly thân từ

năm 2020, mỗi người một nơi không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Đ để ổn định cuộc sống

Về con chung: Chị T xác định vợ chồng chị có 2 con chung là Trần Vũ Kim N, sinh ngày 24/7/2016 và Trần Vũ Hoàng Q, sinh ngày 20/4/2020. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh Đ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị

Về tài sản: Chị T xác định vợ chồng chị không có không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Trần Văn Đ trong bản tự khai ngày 26/01/2022 trình bày:

Về thời gian, điều kiện kết hôn, anh nhất trí như chị T đã trình bày. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống tại nhà bố mẹ đẻ của anh tại xóm 12, xã K. Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm làm ăn kinh tế, vợ chồng xảy ra lời qua tiếng lại, xích mích với nhau. Mặc dù vợ chồng đã tự hòa giải, gia đình hai bên khuyên giải nhưng mâu thuẫn không được khắc phục. Bản thân anh trước đây cũng là người nghiện ma túy và phải chấp hành án phạt tù sau đó anh đã thay đổi và vợ chồng về hàn gắn tình cảm. Khi biết chị T có yêu cầu ly hôn thì đã nhiều lần khuyên giải nhưng chị T không thay đổi ý định. Nay chị T kiên quyết làm thủ tục ly hôn với anh thì anh không nhất trí ly hôn, đề nghị chị T suy nghĩ thêm về đoàn tụ gia đình

Về con chung: Anh Đ cũng xác định vợ chồng có 2 con chung như chị T đã nêu. Trường hợp phải ly hôn, anh yêu cầu được nuôi cả hai con và không yêu cầu chị T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh

Về tài sản chung: Anh Đ xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về tố tụng: nguyên đơn và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn thực hiện tương đối đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14. Xử ly hôn giữa chị Vũ Thị T và anh Trần Văn Đ; giao chị Vũ Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của vợ chồng là Trần Vũ Hoàng Q, sinh ngày 20/4/2020; giao cho anh Trần Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là Trần Vũ Kim N, sinh ngày 24/7/2016 . Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Vũ Thị T khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn với anh Trần Văn Đ, cư trú tại xóm 12, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; căn cứ quy định tại điều 28 và 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K. Bị đơn anh Trần

Văn Đ đã được tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng vắng mặt lần 2 không có lý do, căn cứ khoản 1 Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị T và anh Trần Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2011 tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật HNGĐ. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận một thời gian thì mới phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị T xác định do anh Đ chơi bời, nghiện ma túy. Chị đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh Đ không thay đổi mà còn kiếm cớ đánh đập chị. Vì vậy vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 không còn quan tâm đến nhau nữa.

Về phía anh Đ, anh cho rằng, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm làm ăn kinh tế. Bản thân anh trước đây cũng là người nghiện ma túy và phải chấp hành án phạt tù. Mặc dù 2 bên gia đình đã nhiều lần hòa giải cho vợ chồng nhưng không có kết quả. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh thì anh không nhất trí, đề nghị chị T suy nghĩ lại để vợ chồng về đoàn tụ.

Xác minh tình trạng hôn nhân của chị T và anh Đ tại UBND xã K là nơi anh chị cư trú; thì chính quyền địa phương xác nhận do mâu thuẫn vợ chồng nên thời gian gần đây chị T, anh Đ không cong chung sống với nhau nữa, về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn thì địa phương không nắm rõ do anh Đ và chị T chưa hòa giải tại cơ sở.

Như vậy mặc dù hai bên trình bày nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là khác nhau nhưng cả chị T và anh Đ đều xác định vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, xích mích với nhau. Chị T cũng công nhận việc, anh Đ có trao đổi hòa giải với chị nhưng sau đó lại tiếp tục cãi chửi lẫn nhau. Cả hai bên đều không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2020

Từ những phân tích nêu trên đã có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của chị T, anh Đ hiện nay đã trầm trọng, mâu thuẫn thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống chung; căn cứ quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình, yêu cầu của chị T giải quyết ly hôn anh Đảm là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung : Chị T và anh Đ đều xác nhận vợ chồng có 2 con chung là Trần Vũ Kim N, sinh ngày 24/7/2016 và Trần Vũ Hoàng Q, sinh ngày 20/4/2020. Khi ly hôn, anh Đ, chị T đều có yêu cầu được nuôi cả hai con chung và anh Đ không yêu cầu chị T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con, còn chị T có ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con do anh Đ quyết định.

Thực tế từ khi sống ly thân, con chung ở với chị T, do chị T nuôi dưỡng. Anh Đ và chị T đều không cung cấp được các tài liệu chứng cứ chứng minh có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung. Để đảm bảo cuộc sống sinh hoạt, học tập ổn định cho các con chung thì phải giao cho mỗi bên nuôi một con chung. Cháu Trần Vũ Hoàng Q, sinh ngày 20/4/2020 là trẻ dưới 36 tuổi giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giao cho anh Đảm trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần Vũ Kim N, hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau là phù hợp.

[4] Về án phí: Căn cứ quy định tại điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 buộc chị Thúy phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 , 83 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử ly hôn giữa chị Vũ Thị T và anh Trần Văn Đ.

2/ Về con chung: Giao chị Vũ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là Trần Vũ Hoàng Q, sinh ngày 20/4/2020; giao cho anh Trần Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là Trần Vũ Kim N, sinh ngày 24/7/2016. Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

3/ Về án phí: Chị Vũ Thị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA4418 ngày 04/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

***Nơi nhận*:**
-TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Thế Anh